

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/DS-ST.

Ngày: 29-9-2021.

V/v tranh chấp "Hội".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhân;

Ông Võ Lâm Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp "Hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Người liên quan, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Ngọc A, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người nguyên đơn Phạm Thị Bích H trình bày: Do quen biết, bà có tham gia 02 dây hội do bà Trần Thị T làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất, hội 1.000.000 đồng, hội gồm 23 hội viên, hội khai ngày 16/01/2019 âm lịch, bà tham gia 1 phần hội. Bà châu được 16 lần, đến lần thứ 17 thì bà T ngưng khai hội và tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H đã châu hội cho bà

T với số tiền 16.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai, hội 1.000.000 đồng, hội gồm 30 hội viên, hội khai ngày 25/5/2019, bà H tham gia 2 phần hội. Bà châu được 12 lần, đến lần thứ 13 thì bà T ngưng khai hội và tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H đã châu hội cho bà T với số tiền 24.000.000 đồng.

Khi tham gia hội bà, bà T có lập danh sách hội viên, trong danh sách hội viên bà T ghi tên bà H “B”. Tổng cộng số tiền hội bà T nợ bà 40.000.000 đồng, bà T có gửi trả cho bà số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ bà 34.000.000 đồng, bà T làm chủ hội để hưởng huê hồng lo cho kinh tế gia đình. Vì vậy, bà yêu cầu bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hội còn nợ 34.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A trình bày: Ông, bà T là vợ chồng, việc bà T làm chủ hội, ông biết, số tiền huê hồng khi làm chủ hội là lo sinh hoạt phí trong gia đình. Bà T đã tuyên bố bế hội, ông thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về các dây hội, thời gian khai hội, thời gian tuyên bố bế hội, số tiền hội còn nợ bà H. Ông đồng ý cùng trách nhiệm liên đới với bà T trả cho bà H số tiền hội 34.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Trần Thị L trình bày: Bà H có tham gia hai dây hội do bà T làm chủ hội, trong danh sách hội ghi tên bà H là “B”, bà H chưa hốt hội. Hiện bà T đã tuyên bố bế hội và không khai hội nữa.

Bị đơn bà Trần Thị T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, đề nghị:
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích H

Buộc bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà cho bà Phạm Thị Bích H số tiền 34.000.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền tiềnhui còn nợ của nguyên đơn đây là tranh chấp dân sự về hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A trả tiền hui còn nợ. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn bà Phạm Thị Bích H, bị đơn bà Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Trần Thị T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà và ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hui 34.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến về chứng cứ nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến phản bác hay phản tố lại yêu cầu của người khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[5]. Về hợp đồng, yêu cầu khởi kiện: Giữa bà H, bà T có xác lập hợp hui hình thức giao dịch bằng tiền. Tuy nhiên, bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hui viên như góp tiền hui cho bà T, nhưng bà T đã tự ý ngưng khai hui và tuyên bố bãi hui. Các bên thực hiện hui về hình thức giao dịch bằng tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do bà

T vi phạm nghĩa vụ của chủ hộ, tuyên bố bế hộ nhưng không trả lại tiền hộ cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Dương Ngọc A cùng liên đới với bà Trần Thị T trả cho nguyên đơn số tiền hộ còn nợ. Ông Đồng ý cùng bà T trả số tiền hộ còn nợ cho nguyên đơn, vì bà T làm chủ hộ hưởng huê hồng, số tiền đó bà T dùng để chăm lo cho gia đình. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị T trả số tiền hộ còn nợ cho nguyên đơn.

[7]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về quan điểm giải quyết án.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; 68; 92; 144; 147; 227; 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích H.

Buộc bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Bích H số tiền 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Bà Phạm Thị Bích H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0009712 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi